TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOẰNG HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 43/2020/ DS - ST
Ngày: 30-7- 2020
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thị Loan
2. Bà Đỗ Thị Vân

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Dân- Thư ký Tòa án nhân dân h. Hoằng Hóa.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa không tham gia phiên tòa*:

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2020/TLST- DS, ngày 04 tháng 5 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐXXST- DS, ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976. có mặt

Địa chỉ: thôn T, thị Trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1974. Vắng mặt

Địa chỉ: Phố V, thị Trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị Nguyễn Thị H. Bị đơn chị Trịnh Thị T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị H trình bày:

Năm 2012 tôi có cho chị T vay tổng số tiền là 87.000.000đ sau đó tôi lại cho chị T vay tiếp số tiền 31.000.000đ, chị T đã trả cho tôi được 10.000.000đ Nhưng chị T mới trả cho tôi được 1 tháng số tiền 3.000.000đ. Đến ngày 06/01/2017 tôi và chị T chốt nợ là 97.000.000đồng(Chín mươi bảy triệu đồng)

hai bên chốt nợ mỗi tháng trả 3.000.000đồng nhưng từ tháng 1/2017 cho đến nay chị T vẫn không trả cho tôi được đồng nào. Nay tôi yêu cầu buộc chị T phải trả cho tôi toàn bộ số tiền trên.

Đối với tiền lãi xuất: Tôi đề nghị Tòa án tính lãi từ ngày 06/01/2017 cho đến nay với lãi xuất 10%/năm.

Tại lời khai ngày 08/5/2020 của chị Trịnh Thị T - bị đơn trình bày:

Tôi có nợ của chị H số tiền là 97.000.000đ(Chín mươi bảy triệu đồng) năm 2012, quá trình vay tôi đã trả gốc đầy đủ, số tiền còn lại tôi vay lãi ngày 6.000đ/1triệu/1 ngày và chị H chốt nợ với tôi là 97.000.000đ năm 2017. Nay tôi đề nghị Tòa án xem xét mức lãi xuất ngày mà chị H đã cho tôi vay và đề nghị được trả dần cho chị H vì hiện nay gia đình tôi rất khó khăn.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ về yêu cầu khởi kiện của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng vay (tiền) là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản(tiền) giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H và bị đơn là bà Trịnh Thị T có hộ khẩu tại Phố Vinh Sơn, thị Trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Như vậy đây thuộc loại việc được quy định tại khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hoằng Hóa.

[2]. Về nội dung: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu chị Trịnh Thị T trả số tiền là 97.000.000đ (Chín mươi bảy triệu đồng) và yêu cầu trả một lần, ngoài ra còn đề nghị tính lãi xuất từ ngày 06/01/2017 cho đến nay theo lãi xuất 10%/năm. Nay chị yêu cầu buộc chị T phải trả số tiền cho chị.

Xét yêu cầu của chị H: Hội đồng xét xử xét thấy trong Giấy vay tiền giữa chị và chị T có thể hiện, chị T có nợ chị số tiền 97.000.000đồng(chín mươi bảy triệu đồng), đây là số tiền mà chị T nợ chị H hai bên đã chốt nợ. Do đó yêu cầu của chị H được chấp nhận, buộc chị Trịnh Thị T phải trả cho chị số tiền 97.000.000đồng(Chín mươi bảy triệu đồng).

Đới với phần lãi xuất: Chị H yêu cầu chị T phải trả cho chị tiền lãi tính từ 06/01/2017 với lãi xuất 10%/năm cho đến nay. Yêu cầu của chị là có căn cứ nên chấp nhận.

Xét lời nại của chị T là không có căn cứ: Chị T thừa nhận có nợ số tiền của chị H là 97.000.000đồng nhưng đây số tiền lãi còn tiền gốc chị đã trả hết cho chị H, việc trả nợ giữa chị và chị H phải có giấy tờ chứng minh rằng chị đã trả hết tiền gốc cho chị H. Tòa án cũng yêu cầu chị T cung cấp những chứng cứ, chứng minh cho việc chị H cho chị vay lãi ngày, nhưng chị không cung cấp được bất cứ chứng cứ nào. Chị H không thừa nhận chị cho chị T vay lãi ngày. Do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị T. Buộc chị T phải trả cho chị H số tiền 97.000.000đồng.

Về lãi xuất: Chấp nhận yêu cầu của chị H buộc chị T phải trả cho chị lãi xuất 10%/1 năm.

Theo đó, chị Trịnh Thị T phải thanh toán cho chị H số tiền lãi phát sinh từ ngày 06/01/2017 đến ngày mở phiên tòa hôm nay là ngày trên số tiền gốc là 97.000.000đ. Cụ thể số tiền lãi là:

$$\frac{97.000.000đ \times 10\% \times 42 \text{ tháng } 23 \text{ ngày}(1283 \text{ ngày})}{365}$$

= 34.096.000.000đ

Như vậy, tổng số tiền chị T phải thanh toán cho chị H là:

+ Tiền nợ gốc: 97.000.000đ + Tiền lãi 34.096.000đ = Tổng cộng: 131.096.000đ(Một trăm ba mốt triệu không trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

[3]. Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của chị H được Tòa án chấp nhận có giá ngạch. Chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271,Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H .

Buộc chị Trịnh Thị T phải trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền là: 131.096.000đ(Một trăm ba mốt triệu không trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án,mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định

tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015,đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu 6.554.000đ(Sáu triệu năm trăm năm mươi từ ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả lại cho chị H số tiền:2.425.000đồng theo Biên lai thu số 0009849 ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trịnh Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND h Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS h. Hoằng Hóa;
- UBND xã;
- Các đươngsự;
- Lưu hồ sơ

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Phương